

Bản án số: 18/2022/HNGĐ - ST

Ngày 26/9/2022

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quốc Tịnh

2. Bà Ksor H' Séo

Thư ký phiên toà: Ông Phan Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Trịnh Thị Xây – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022, về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn S, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn 6, xã IL, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt (*Đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 6, xã IL, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2022; biên bản lấy lời khai ngày 13/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn S trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị D tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2016, tại UBND xã IL, huyện CP, tỉnh Gia Lai.

Sau khi kết hôn và chung sống với nhau cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, sau đó đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do chị D có mối quan hệ tình cảm với người khác. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Do mâu thuẫn quá trầm trọng nên vợ chồng anh đã sống ly thân nhau từ ngày 10/01/2020 đến nay mà không còn quan tâm đến nhau

(Chị D bỏ nhà đi). Hiện tại, anh thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

- *Về việc nuôi con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 07/10/2016. Nếu được ly hôn anh có nguyện vọng muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Anh không yêu cầu chị D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Kể từ khi sống ly thân đến nay tất cả mọi chi phí nuôi con đều do một mình anh đảm nhận, hiện tại anh có công việc và thu nhập ổn định để đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị D: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng để chị thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng chị đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để chị D đến tham gia phiên tòa nhưng chị tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để Hội đồng xét xử xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cung cấp đầy đủ chứng cứ đảm bảo theo đúng quy định. Tại phiên tòa, anh S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn S. Xử cho anh Nguyễn S và chị Nguyễn Thị D ly hôn.

Về con chung: Căn cứ các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị giao cho anh S tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 07/10/2016. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án

Anh Nguyễn S yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung với chị Nguyễn Thị D. Đây là quan hệ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị D là bị đơn trong vụ kiện có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống thường xuyên tại thôn 6, xã IL, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Nguyên đơn anh S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt theo đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn S với chị Nguyễn Thị D là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hai người tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 06/4/2016, tại UBND xã IL, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị D có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Bản thân anh S không chấp nhận được việc bị phản bội nên giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Do mâu thuẫn quá trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ ngày 10/01/2020 đến nay mà không còn quan tâm đến nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo và tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng để chị D thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhằm duy trì cuộc sống hôn nhân nhưng chị đều vắng mặt, điều đó chứng tỏ chị không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân và không có ý định duy trì cuộc sống hôn nhân. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của anh S là có căn cứ vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S đối với chị D.

[3] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con

Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn S có nguyện vọng được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 07/10/2016. Anh không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện tại anh S đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung, kể từ khi anh và chị D sống ly thân nhau đến nay việc nuôi dưỡng con chung do một mình chị đảm nhận mà không có sự chu cấp hay hỗ trợ từ chị D. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt đầy đủ, hợp lệ

các văn bản tố tụng để chị D thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong việc nuôi con chung nhưng chị đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ chị không quan tâm đến việc nhận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Hiện tại, anh S có công việc và thu nhập ổn định để đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Xét nguyện vọng nuôi con của anh S trên cơ sở xem xét đến quyền và lợi ích hợp pháp của con chung thấy rằng cần tiếp tục giao cho anh S trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung.

Căn cứ các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho anh Nguyễn S trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 07/10/2016. Anh S không yêu cầu chị D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ chung:

Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí:

Anh Nguyễn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn S.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Nguyễn S ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

2. *Về việc nuôi con chung:* Giao cho Nguyễn S trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, và giáo dục con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 07/10/2016. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Thời hạn trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung của anh S tính từ ngày 26/9/2022 cho đến khi con chung thành niên và tự lập được, hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể áp dụng cấp dưỡng nuôi con và thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí:* Anh Nguyễn S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005892 ngày 06/4/2022, của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Số tiền này được chuyển thành tiền án phí để sung công quỹ.

4. *Quyền kháng cáo:* Anh Nguyễn S và chị Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

5. *“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chư Pưh;
- Chi cục THA DS huyện Chư Pưh;
- Các đương sự;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Đặng Ngọc Trung